

Số: 556 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Điểm sinh hoạt Văn hóa Thể thao xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định 01/2011/QĐ-UBND ngày 07/01/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định giá bồi thường cây trồng, hoa màu trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh về ban hành Quy định giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND tỉnh Ban hành Quy định giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2872/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung 03 danh mục công trình dự án sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thành phố Buôn Ma Thuột.

Căn cứ Công văn số 7990/UBND-KT ngày 06/10/2016 của UBND tỉnh về việc thanh lý nhà điều hành tại Hồ Thủy lợi Ea Kao của Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 09/TTr-TNMT ngày 04/01/2017.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Công trình: Điểm sinh hoạt Văn hóa Thể thao xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, cụ thể như sau:



1. Đối tượng thu hồi đất: Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đắk Lắk.

2. Đối tượng bị ảnh hưởng: 01 tổ chức và 07 hộ gia đình, cá nhân.

3. Diện tích đất dự kiến thu hồi: 30.234,6 m<sup>2</sup> tại các thửa đất số 1, 2, 229, 228, 26, 230, 65, 66, 231, 89, 225, 224, 223, 98, 232, 226 và 227 thuộc tờ bản đồ số 81 của xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột. Loại đất thu hồi: Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất thủy lợi.

4. Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 845.080.000 (tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn) đồng (có phụ lục kèm theo).

5. Nguồn vốn thực hiện bồi thường: Do Công ty TNHH Xây dựng Cầu đường Hoàng Nam (địa chỉ: Số 174 Y Jút, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột) chi trả.

**Điều 2.** Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Buôn Ma Thuột phối hợp với địa phương liên quan thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính chịu trách nhiệm về các số liệu đã thẩm định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột; Giám đốc trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

*Nơi nhận/*

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: CN, KT;
- Lưu: VT, NNMT (Đc.15b).



**Y Giang Gry Niê Knơng**

## GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Công trình: Diễm Sinh hoạt Văn hóa Thể Thao xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột.**

(Kèm Quyết định số 556 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

S T T	Họ và tên, địa chỉ danh mục tài sản, vật kiến trúc, cây trồng	Đơn vị tính	SL;KL	Đơn giá (Đồng)	Tỉ lệ	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=4*5*6	8
1	<b>Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi Đắk Lắk 109 Mai Hắc Đế, TPBMT</b>					<b>444.969.913</b>	
a	<b>Đất: Thừa đất số 98,223, tờ bản đồ số 81</b>	m2	1.693,7				
	* Diện tích thu hồi không bồi thường	m2	1.693,7				
b	<b>Nhà:</b>					<b>364.528.693</b>	
	* Nhà làm việc 02 tầng: DT sàn: (11*7,1)+(2,6*7,4)+(1,9*5,4)+(4,2*4)+(15,1*7,2). Kết cấu: móng xây đá học, nền gạch ceramic 300*300, bao che xây gạch có sơn nước + matit, trần gỗ nhóm IV, sàn bê tông cốt thép; tường xây gạch có sơn nước bả matic, mái lợp tôn sóng vuông. Cửa sổ + cửa đi panô sắt kính. Chất lượng còn lại 31% (4.500.000+219.000+9.000+168.000)	m2	233,12	4.896.000	31%	353.820.211	
	- DT gạch ceramic 200*250 ốp nhà vệ sinh (6*1,7)	m2	10,2	317.000	31%	1.002.354	
	- DT ốp đá chẻ tự nhiên mặt trước (8*6,2)+(44,7*1,1)	m2	98,77	317.000	31%	9.706.128	
c	<b>Vật kiến trúc: Xây dựng năm 2010</b>					<b>80.088.419</b>	
	* Tường rào: móng xây đá xây gạch 100 có tô trát cao 2,1m, dài 54,1m, trụ xây gạch 200*300. Chất lượng còn lại 30%. (1188000*1,05)	m	54,1	1.247.400	30%	20.245.302	
	* Tường rào: móng xây đá xây gạch cao 0,6m, trên gắn khung song sắt cao 1,4m, trụ xây gạch 300*300, dài 48,3m. Chất lượng còn lại 30%.	m	48,3	2.007.000	30%	29.081.430	
	* Cổng sắt DT (3,8*2)+(1,2*2). Chất lượng còn lại 30%.	m2	10	500.000	30%	1.500.000	
	* Trụ cổng xây gạch lõi BTCT 400*400*độ 2,3m, 02 trụ. Chất lượng còn lại 30%.	Trụ	2	1.660.000	30%	996.000	
	* Sân bê tông đá 1*2, M200 dày 10cm có đá 4*6, dày 6cm. DT (21,3*13,8)+(5,7*22,6) Chất lượng còn lại 30%.	m2	422,76	170.300	30%	21.598.808	
	* Giếng khoan đường kính phi 114, sâu 48m. Chất lượng còn lại 30%.	m	48	366.000	30%	5.270.400	
	* Ống nhựa PVC đường kính phi 114 sâu 20m. Chất lượng còn lại 30%.	m	20	130.350	30%	782.100	
	* Hợp đồng điện.	Cái	1	614.379	100%	614.379	
d	<b>Cây cối hoa màu</b>					<b>352.800</b>	
	* Bảng lãg trồng năm 2008, TĐ gỗ tích	Cây	4	50.700	100%	202.800	
	* Xanh cảnh trồng năm 2008, ĐK gốc 25cm, cao 3,2m	Cây	1	150.000	100%	150.000	
2	<b>Lê Thị Kim Thoa Thôn 1, xã Ea Kao</b>					<b>63.848.000</b>	
a	<b>Đất: Thừa đất số 66,89, tờ bản đồ số 81</b>	m2	3.873,3				
	* Diện tích thu hồi không bồi thường	m2	3.873,3				
d	<b>Cây cối hoa màu:</b>					<b>63.848.000</b>	
	* Hàng rào chẻ tàu cao 1,5m, dài 116m	m	116	23.000	80%	2.134.400	

* Cà phê vối trồng năm 2000, loại A	Cây	10	193.000	80%	1.544.000
* Cà phê vối trồng năm 2000, loại B	Cây	6	135.000	80%	648.000
* Cà phê vối trồng năm 1995, loại A	Cây	337	193.000	80%	52.032.800
* Cà phê vối trồng năm 1995, loại B	Cây	60	135.000	80%	6.480.000
* Cà phê vối trồng năm 1995, loại C	Cây	13	97.000	80%	1.008.800
<b>Trần Công Thịnh</b> Thôn 1 - EaKao					10.728.000
Đất: Thửa đất số 226,227, tờ bản đồ số 81	m2	815,5			
* Diện tích thu hồi không bồi thường	m2	815,5	727,2		
<b>Cây cối hoa màu</b>					10.728.000
* Cà phê vối trồng năm 2006, loại A	Cây	50	193.000	80%	7.720.000
* Cà phê vối trồng năm 2006, loại B	Cây	10	135.000	80%	1.080.000
* Cà phê vối trồng năm 2015, loại A	Cây	20	55.500	80%	888.000
* Bơ bít trồng năm 2006	Cây	2	650.000	80%	1.040.000
<b>Nguyễn Văn Dương</b> Thôn 1 - EaKao					74.945.960
Đất: Thửa đất số 232, tờ bản đồ số 81	m2	2.071,7			
* Diện tích thu hồi không bồi thường	m2	2.071,7			
<b>Vật kiến trúc:</b>					32.640.360
* Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ bê tông cốt thép cao 1,8m, trụ gỗ cao 1,8m (có 15 trụ bê tông + 10 trụ gỗ), dài 95m. Xây dựng năm 1996	m	95	60.000	80%	4.560.000
* Trụ tiêu bằng BTCT đúc sẵn KT (0,12*0,12) cao 4,5m.	Trụ	280	60.000		16.800.000
* Hệ thống tưới vườn tiêu Ông nước nhựa PVC bình minh phi 34 dài 450m. Xây dựng năm 2014	m	450	29.250	60%	7.897.500
* Hệ thống tưới vườn tiêu Ông nước nhựa PVC bình minh phi 27 dài 180m. Xây dựng năm 2014	m	180	15.070	60%	1.627.560
* Hệ thống tưới vườn tiêu Ông nước nhựa PVC bình minh phi 60 dài 50m. Xây dựng năm 2014	m	50	36.190	60%	1.085.700
* Đầu béc tưới nước bằng nhựa PVC.	Cái	80	9.450	60%	453.600
* Khoa nhựa PVC phi 60.	Cái	18	20.000	60%	216.000
<b>Cây cối hoa màu</b>					42.305.600
* Tiêu trồng năm 2015, loại A, trụ bê tông cốt thép	Cây	280	157.500	80%	35.280.000
* Hàng rào chèn thép cao 1,5m, dài 95m	m	95	23.000	80%	1.748.000
* Màng đen trồng năm 1994	Cây	16	132.000	80%	1.689.600
* Màng đen trồng năm 2010	Cây	65	59.000	80%	3.068.000
* Bơ ghép trồng năm 2010	Cây	1	650.000	80%	520.000
<b>Đình Thị Lục</b> Thôn 1 - EaKao					136.718.800
Đất: Thửa đất số 26,65,229 tờ bản đồ số 81	m2	9.746,4			
* Diện tích thu hồi không bồi thường	m2	9.746,4			
<b>Vật kiến trúc:</b>					1.440.000
Hàng rào lưới B40 cao 1,2m, trụ gỗ, khoảng cách trụ 3m,	m	30	60.000	80%	1.440.000
<b>Cây cối hoa màu</b>					135.278.800
Cà phê vối trồng năm 1996, loại A	Cây	250	193.000	80%	38.600.000
Cà phê vối trồng năm 1996, loại B	Cây	30	135.000	80%	3.240.000
Cà phê vối trồng năm 1996, loại C	Cây	20	97.000	80%	1.552.000
Cà phê vối trồng năm 2011, loại A	Cây	260	136.400	80%	28.371.200
Cà phê vối trồng năm 2011, loại B	Cây	35	95.500	80%	2.674.000

	* Cà phê vối trồng năm 2011, loại C	Cây	18	68.000	80%	979.200	
	* Tiêu trồng năm 2014, loại A	Cây	51	136.000	80%	5.548.800	
	* Trụ gỗ trồng cây tiêu	Trụ	25	60.000		1.500.000	
	* Lúc lắc trồng làm trụ tiêu năm 2011. TĐ cây keo	Cây	85	35.400	80%	2.407.200	
	* Tiêu trồng năm 2014, loại B	Cây	23	96.500	80%	1.775.600	
	* Tiêu trồng năm 2014, loại C	Cây	11	41.500	80%	365.200	
	* Tiêu (trụ cây keo trồng năm 2011) trồng năm 2013, loại A (175000+(59000*60%)	Cây	14	210.400	80%	2.356.480	
	* Tiêu (trụ cây keo trồng năm 2011) trồng năm 2013, loại B (123000+(59000*60%)	Cây	8	158.400	80%	1.013.760	
	* Tiêu (trụ cây keo trồng năm 2011) trồng năm 2013, loại C	Cây	3	88.400	80%	212.160	
	* Trụ gỗ làm trụ tiêu	Trụ		60.000		-	
	* Bơ ghép trồng năm 2012	Cây	5	350.000	80%	1.400.000	
	* Bơ thường trồng năm 2012	Cây	6	350.000	80%	1.680.000	
	* Gỗ sao trồng phân tán trồng năm 2009 (ĐK 20cm, cao 7m)	Cây	3	44.000	80%	105.600	
	* Chanh trồng năm 2010	Cây	2	250.000	80%	400.000	
	* Bạch đàn trồng tập trung năm 2008	Cây	421	59.000	80%	19.871.200	
	* Mít thường trồng năm 1998	Cây	2	500.000	80%	800.000	
	* Mít thái trồng năm 2013	Cây	3	100.000	80%	240.000	
	* Tiêu trồng năm 2011, trụ cây mít trồng năm 1998, loại A	Cây	3	534.000	80%	1.281.600	
	* Sầu riêng ghép trồng năm 2015, loại A	Cây	3	205.000	80%	492.000	
	* Xoài trồng năm 2015	Cây	1	35.000	80%	28.000	
	* Điều thường trồng năm 2010, loại A	Cây	2	198.000	80%	316.800	
	* Đu đủ trồng năm 2015	Cây	7	10.000	80%	56.000	
	* Chè xanh trồng bằng cành năm 2010	Cây	2	7.500	80%	12.000	
	* Nhãn trồng năm 1995	Cây	25	900.000	80%	18.000.000	
6	<b>Nguyễn Văn Minh</b> <b>Thôn 1 - Ea Kao</b>					<b>48.831.200</b>	
a	<b>Đất: Thửa đất số 01,02,228, tờ bản đồ số 81</b>	m2	4.283,1				
	* Diện tích thu hồi không bồi thường	m2	4.283,1				
c	<b>Cây cối hoa màu</b>					<b>48.831.200</b>	
	* Hàng rào chèn tàu cao 1,2m, dài 50m	m	50	23.000	80%	920.000	
	* Cà phê vối trồng năm 1997, loại A	Cây	170	193.000	80%	26.248.000	
	* Cà phê vối trồng năm 1997, loại B	Cây	12	135.000	80%	1.296.000	
	* Cà phê vối trồng năm 1997, loại C	Cây	9	97.000	80%	698.400	
	* Sầu riêng thái trồng năm 2007, loại A	Cây	1	3.100.000	80%	2.480.000	
	* Sầu riêng thái trồng năm 2007, loại B	Cây	1	2.170.000	80%	1.736.000	
	* Chôm chôm thái trồng năm 2000	Cây	1	550.000	80%	440.000	
	* Bơ trồng năm 2000	Cây	4	650.000	80%	2.080.000	
	* Xoài trồng năm 2000	Cây	1	500.000	80%	400.000	
	* Nhãn trồng năm 2000	Cây	1	900.000	80%	720.000	
	* Cam trồng năm 2000	Cây	4	525.000	80%	1.680.000	
	* Ôi trồng năm 2000	Cây	1	180.000	80%	144.000	
	* Điều thường trồng năm 2000, loại A	Cây	3	198.000	80%	475.200	
	* Điều thường trồng năm 2000, loại B	Cây	1	135.000	80%	108.000	
	* Xà cừ trồng năm 2000	Cây	2	138.500	80%	221.600	
	* Keo trồng năm 2000	Cây	24	79.000	80%	1.516.800	
	* Keo trồng năm 1997	Cây	4	132.000	80%	422.400	

* Xanh đường kính 10cm, cao 3m trồng năm 2000	Cây	6	150.000	80%	720.000
* Muồng đen trồng phân tán năm 1997	Cây	8	132.000	80%	844.800
* Bạch đàn trồng tập trung năm 1997	Cây	5	132.000	80%	528.000
* Bạch đàn trồng tập trung năm 2014	Cây	165	14.000	80%	1.848.000
* Bạch đàn trồng tập trung năm 2010	Cây	70	59.000	80%	3.304.000
<b>Đinh Thị Tư Thôn 1 - Ea Kao</b>					<b>45.383.760</b>
<b>Đất: Thừa đất số 230, tờ bản đồ số 81</b>	m2	3.258,7			
* Diện tích thu hồi không bồi thường	m2	3.258,7	68,0		
<b>Cây cối hoa màu</b>					<b>45.383.760</b>
* Hàng rào chèn tàu cao 1,5m, dài 60m	m	60	23.000	80%	1.104.000
* Cà phê vối trồng năm 1996, loại A	Cây	140	193.000	80%	21.616.000
* Cà phê vối trồng năm 1996, loại B	Cây	10	135.000	80%	1.080.000
* Cà phê vối trồng năm 1996, loại C	Cây	10	97.000	80%	776.000
* Cà phê vối trồng năm 2011, loại A	Cây	110	136.400	80%	12.003.200
* Cà phê vối trồng năm 2011, loại B	Cây	11	95.500	80%	840.400
* Cà phê vối trồng năm 2011, loại C	Cây	10	68.000	80%	544.000
* Cà phê vối trồng năm 2013, loại A	Cây	68	136.400	80%	7.420.160
<b>Hoàng Thị Thuận Thôn 1 - Ea Kao</b>					<b>19.654.800</b>
<b>Đất: Thừa đất số 231, tờ bản đồ số 81</b>	m2	2.036,2			
* Diện tích thu hồi không bồi thường	m2	2.036,2	1.163,5		
<b>Cây cối hoa màu</b>					<b>19.654.800</b>
* Cà phê vối trồng năm 2010, loại A	Cây	70	161.000	80%	9.016.000
* Cà phê vối trồng năm 2010, loại B	Cây	30	113.000	80%	2.712.000
* Cà phê vối trồng năm 2010, loại C	Cây	21	80.500	80%	1.352.400
* Bạch đàn trồng tập trung năm 2010	Cây	50	49.000	80%	1.960.000
* Hoa hòe trồng năm 2010. TĐ cây Quế	Cây	20	230.000	80%	3.680.000
* Lòng mức trồng năm 2010	Cây	5	59.000	80%	236.000
* Cà phê vối trồng năm 2013, loại A	Cây	5	136.400	80%	545.600
* Cà phê vối trồng năm 2013, loại B	Cây	2	95.500	80%	152.800
<b>Tổng cộng</b>					<b>845.080.433</b>
<b>Lấy tròn</b>					<b>845.080.000</b>